

GIỮ [+6.2%]

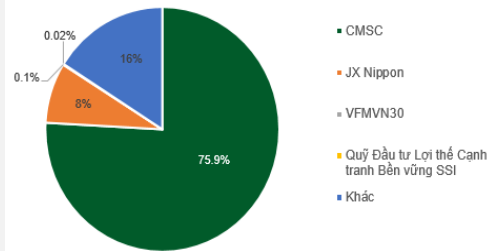
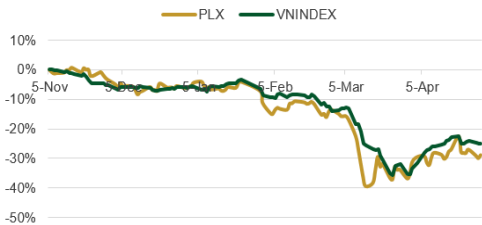
Ngày cập nhật: 04/06/2020

 Giá mục tiêu 50,160 VND
 Giá hiện tại 47,200 VND

PHS

 (+84-28) 5413 5479 – support@phs.vn
Thông tin cổ phiếu

 CP đang lưu hành (triệu) 1,170
 Free-float (triệu) 105.4
 Vốn hóa (tỷ đồng) 54,677
 KLGD TB 3 tháng 1,052,452
 Sở hữu nước ngoài 13.3%
 Ngày niêm yết đầu tiên 21/04/2017

Cổ đông lớn

Biến động giá cổ phiếu so với Index

Lịch sử định giá


Nguồn: PHFM

	2016	2017	2018	2019	2020F
Doanh thu thuần (tỷ VND)	123,097	153,697	191,932	189,604	143,360
LNST (tỷ VND)	5,147	3,912	4,155	4,677	2,166
EPS (VND)	4,254	3,013	2,859	3,166	1,674
Tăng trưởng EPS (%)			-5%	11%	-47%
Giá trị sổ sách (VND)	21,137	20,314	17,615	19,740	18,941
P/E		27.2	16.8	15.8	28.07
Cổ tức tiền mặt (%)		32%	30%	20%	20%

(Nguồn: PHFM)

Giá dầu biến động khó lường, PLX lỗ 1,813 tỷ VND trong Q1/2020.

Kết quả kinh doanh Q1/2020: Doanh thu thuần trong Q1/2020 đạt 38,495 tỷ VND (-8.3% YoY). Giá dầu giảm mạnh làm giá vốn hàng bán COGS trong quý 1 chiếm 98.8% doanh thu dẫn đến LNST của PLX ở mức âm -1,813 tỷ VND. Giá dầu giảm từ 60 USD cuối năm 2019 xuống còn 20 USD cuối Q1/2020 khiến hàng tồn kho của PLX giảm giá 1,659 tỷ VND, gấp 3.5 lần tổng mức giảm giá hàng tồn kho năm 2019.

Tình hình tồn kho dầu thô toàn thế giới: Nhu cầu dầu thế giới giảm đột ngột do dịch bệnh, ước tính tồn kho dầu thô tăng thêm trung bình mỗi ngày là 9.1 triệu thùng/ngày (mb/d) trong nửa đầu năm 2020, và cao nhất ở mức 22.8 mb/d trong tháng 4. Ước tính, tổng lượng tồn kho đã tăng thêm trong nửa đầu năm trên toàn thế giới vào khoảng 1.6 tỷ thùng. EIA dự phóng mức tăng tồn kho dầu ở mức trung bình 2.5 mb/d trong năm 2020, đạt mức tăng tồn kho trung bình mỗi ngày cao nhất từ năm 1980. EIA dự phóng trong Q3 và Q4, mức tồn kho tăng thêm sẽ vào khoảng 2.5 - 3 mb/d và có thể kéo dài đến năm 2021.

Dự báo 2020: Với dự phóng giá dầu đạt 30 USD, chúng tôi ước tính sản lượng bán năm 2020 giảm 8% đạt 12.8 triệu tấn, giá bán xăng dầu trung bình ước đạt 16,000 VND/lít, tổng doanh thu ước tính giảm 24.5% YoY đạt 143,460 tỷ VND, lợi nhuận sau thuế đạt 2,166 tỷ VND (-53.7% YoY) do ảnh hưởng của khoản giảm giá hàng tồn kho ước tính đạt -2,957 tỷ VND (lượng hàng tồn kho đã nhập về cuối năm 2019 khi dầu thô ở mức 60 USD/thùng).

Động lực tăng trưởng: PLX hiện chiếm 51% thị phần trong nước, với tổng lượng phân phối khoảng 13.9 triệu tấn năm 2019. Trong đó, phân phối nội địa chiếm khoảng 9.7 triệu tấn. PLX sở hữu hệ thống kho bể với sức chứa 2.3 triệu tấn trên khắp Việt Nam. Ngoài ra, PLX còn có hệ thống 600 km đường ống dẫn trực tiếp duy nhất tại Việt Nam cùng đội ngũ 2,500 xe bồn chuyên dụng.

PLX có lợi thế vượt trội so với các đối thủ cạnh tranh với hệ thống cửa hàng bán lẻ trực tiếp (2,700 cửa hàng bán lẻ trực thuộc trực tiếp và 2,800 cửa hàng đại lý) với tình hình tài chính lành mạnh (tỷ lệ nợ/tổng tài sản là 60%), chính sách cổ tức tiền mặt hấp dẫn (cổ tức tiền mặt với tỷ lệ trung bình là 30%/năm).

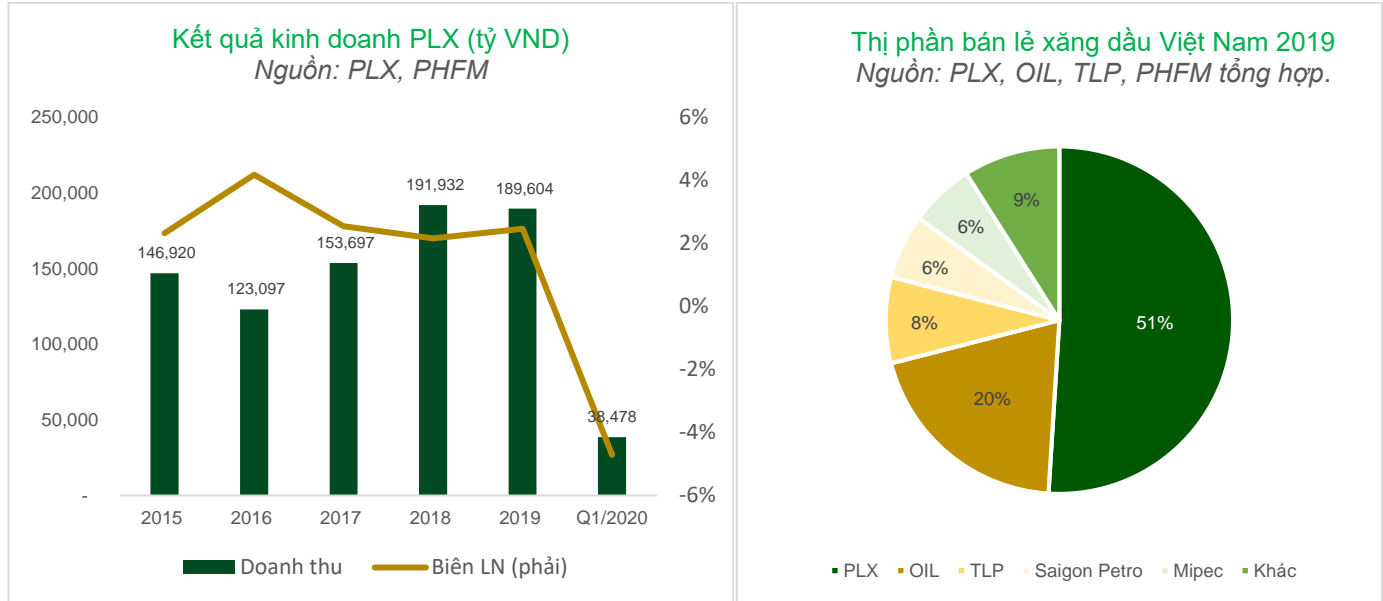
PLX còn có lợi thế mua theo quy mô lớn (PLX có thể thương lượng được giá thấp hơn nhờ mua với số lượng lớn), với hệ thống vận chuyển tiết kiệm chi phí, vận chuyển hàng hóa trên khắp cả nước. PLX có thể đáp ứng 100% nhu cầu vận chuyển trong toàn tập đoàn một cách hiệu quả.

Định giá & khuyến nghị: Bằng phương pháp EV/EBITDA, P/B và EV/Doanh thu, chúng tôi ước tính thận trọng giá trị hợp lý của PLX là 50,160 VND/cổ phiếu, tăng 6.2% so với mức giá hiện tại. Do đó, khuyến nghị GIỮ đối với cổ phiếu này.

Rủi ro: (1) Dịch bệnh Covid-19 chưa được kiểm soát; (2) Biến động giá dầu; (3) Cạnh tranh từ các đối thủ trong ngành; (4) Rủi ro pháp lý; (5) Rủi ro tỷ giá.

Tình hình kinh doanh của PLX

Năm 2019, doanh thu PLX đạt 189,604 tỷ VND (-1.2% YoY), lợi nhuận đạt 4,677 tỷ VND (+12.6%YoY) với tổng khối lượng xuất bán xăng dầu hợp nhất toàn Tập đoàn năm 2019 đạt 13.9 triệu tấn, tăng 1.36% so với kế hoạch (+8.15% YoY) trong đó sản lượng xuất bán nội địa tăng 22.8% YoY, vượt 72.4% kế hoạch.



Doanh thu thuần trong Q1/2020 đạt 38,495 tỷ VND (-8.3% YoY). Giá dầu giảm mạnh làm giá vốn hàng bán COGS trong quý 1 chiếm 98.8% doanh thu dẫn đến LNST của PLX ở mức âm -1,813 tỷ VND. Giá dầu giảm từ 60 USD cuối năm 2019 xuống còn 20 USD cuối Q1/2020 khiến hàng tồn kho của PLX trích lập giảm giá 1,659 tỷ VND, gấp 3.5 lần tổng mức giảm giá hàng tồn kho năm 2019. Sản lượng xăng dầu bán ra trên hệ thống của PLX giảm 10% so với cùng kỳ do tác động của dịch Covid-19 và cách ly xã hội khiến mọi người hạn chế di chuyển. Bên cạnh đó, lợi nhuận của một số công ty con của tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực vận tải, gas, hóa dầu sụt giảm so với cùng kỳ theo các mức độ khác nhau.

Các lĩnh vực kinh doanh chính của PLX chủ yếu là xuất nhập khẩu và kinh doanh xăng dầu. Ngoài ra, PLX còn đầu tư vào các ngành nghề có liên quan như hóa dầu, gas, vận chuyển, các lĩnh vực xây lắp, bảo hiểm, ngân hàng và các lĩnh vực khác.

Kinh doanh xăng dầu: PLX là nhà nhập khẩu và phân phối xăng dầu lâu đời và lớn nhất Việt Nam với khoảng 51% trong nước, với tổng lượng phân phối năm 2019 khoảng 13.9 triệu tấn. PLX sở hữu hệ thống kho bể với sức chứa 2.3 triệu tấn trên khắp Việt Nam. Ngoài ra, PLX còn có hệ thống 600 km đường ống dẫn trực tiếp duy nhất tại Việt Nam cùng đội ngũ 2,500 xe bồn chuyên dụng. PLX hiện có 22 cảng biển tiếp nhận tàu 1,000-150,000 DWT, 20 cảng sông tiếp nhận tàu 250-5,000 DWT, PLX cũng có kho quan ngoại tiếp nhận tàu vận tải 150,000 DWT.

PLX hiện đang có hệ thống phân phối với 5,500 cửa hàng bán lẻ với tỷ lệ 5.500/14.000 tổng cửa hàng phân phối xăng dầu trên toàn quốc với khả năng định vị thương hiệu vượt trội của Petrolimex so với các đối thủ còn lại. Điều này giúp PLX tiết giảm chi phí và tăng sản lượng bán hàng trên từng cửa hàng của Petrolimex.

Về mảng cung cấp nhiên liệu bay, Công ty Cổ phần Nhiên liệu bay Petrolimex (PA) thành lập vào tháng 4/2008 do Petrolimex và Mipec là hai cổ đông lớn. PA hiện cung cấp 100% nhiên liệu bay cho Vietjet Air tại cảng hàng không Nội Bài, Tân Sơn Nhất, Cam Ranh, Đà Nẵng, Cát Bi và cung cấp nhiên liệu bay cho khoảng 30 hãng hàng không nước ngoài khác.

PA hưởng lợi từ tăng trưởng cao trong ngành hàng không trong các năm qua, thêm vào đó, việc kiểm soát an toàn nghiêm ngặt trở thành rào cản cho các doanh nghiệp mới khác tham gia vào ngành này. PA hiện có biên lợi nhuận tốt do giữ được chi phí thấp nhờ lợi thế mua theo quy mô lớn, và có hệ thống vận chuyển tiết kiệm chi phí, vận chuyển hàng hóa hợp lý nhờ là công ty con của PLX.

Hóa dầu: PLC là công ty hàng đầu về nhựa đường với 30% thị phần, đứng thứ hai về dầu mỡ nhờn với khoảng 12% thị phần. PLC bán 50-60% khối lượng dầu mỡ nhờn tại 2,400 cửa hàng bán lẻ của PLX, đây là lợi thế cạnh tranh quan trọng của PLC so với các đối thủ của mình. Lợi nhuận kinh doanh dầu nhờn chiếm trên 60% trong hoạt động kinh doanh hóa chất của PLC.

Gas: PGC là công ty con của Petrolimex chuyên kinh doanh LPG với trên 60 sản phẩm với thương hiệu GAS PETROLIMEX, sản lượng hàng năm đạt trên 160 nghìn tấn, chiếm 15% thị phần, thuộc top 3 đơn vị kinh doanh bán lẻ LPG lớn nhất cả nước.

Bảo hiểm, ngân hàng: Năm 2019, Tổng công ty Bảo hiểm Petrolimex (PGI) đạt 3,665 tỷ VND và ngân hàng PG Bank đạt lợi nhuận trước thuế là 89.6 tỷ VND.

Lĩnh vực xây lắp và các lĩnh vực khác: Tổng công ty Xây lắp và thương mại Petrolimex (PGCC) có lợi nhuận đạt 86 tỷ VND.

Dự báo 2020:

Với dự phóng giá dầu đạt 30 USD, chúng tôi ước tính sản lượng bán năm 2020 giảm 8% đạt 12.8 triệu tấn, giá bán xăng dầu trung bình ước đạt 16,000 VND/lít, tổng doanh thu ước tính giảm 24.5% YoY đạt 143,460 tỷ VND, lợi nhuận sau thuế đạt 2,166 tỷ VND (-53.7% YoY) do ảnh hưởng của khoản giảm giá hàng tồn kho ước tính đạt -2,957 tỷ VND (lượng hàng tồn kho đã nhập về cuối năm 2019 khi dầu thô ở mức 60 USD/thùng).

Về kế hoạch đầu tư năm 2020, Petrolimex có kế hoạch thực hiện các dự án đầu tư lớn với nhu cầu lên tới 34,100 tỷ VND. Năm 2020, PLX có các kế hoạch sửa chữa và phát triển mới các cửa hàng xăng dầu nội địa, PLX dự kiến xây dựng mới 84 cửa hàng xăng dầu, cải tạo nâng cấp 238 cửa hàng với tổng mức đầu tư khoảng 1,184 tỷ VND. Ngoài ra, PLX có kế hoạch đầu tư xây dựng mới Kho xăng dầu Thanh Hóa, mở rộng sức chứa Kho Xăng dầu Việt Trì, mở rộng sức chứa kho K2, mở rộng và nâng sức chứa kho K132 – Hải Dương, cải tạo nâng cấp tuyến ống B12, và đầu tư xây dựng mới văn phòng Công ty Xăng dầu Đồng Tháp, Tây Ninh, B12 chi nhánh Hải Dương, Công ty xăng dầu Bắc Tây Nguyên.

Năm 2020, PLX cũng tiếp tục triển khai phương án giảm vốn nhà nước xuống 51% theo lộ trình phê duyệt tại quyết định 1232 của Thủ tướng chính phủ.

Chi tiết định giá và khuyến nghị:

Kịch bản giá dầu 30 USD/thùng

Dựa trên phương pháp EV/EBITDA, EV/Doanh thu và P/B, chúng tôi ước tính mức giá hợp lý của cổ phiếu PLX sẽ vào khoảng 50,136 VND/cổ phiếu, tăng 6.2% so với mức giá hiện tại với doanh thu đạt 143,360 tỷ VND (-24.5% YoY), LNST đạt 2,166 tỷ VND (-52.7% YoY). Từ đó đưa ra khuyến nghị GIỮ cho cổ phiếu này.

EV/EBITDA trung bình ngành	9.8	P/B trung bình ngành	1.3
EBITDA (tỷ VND)	4,436	Vốn chủ sở hữu	25,923
EV (tỷ VND)	43,474	Số cổ phiếu lưu hành (tr CP)	1,171
Số cổ phiếu lưu hành (tr CP)	1,171	Book value (VND)	22,141
Giá mục tiêu (VND)	37,132	Giá mục tiêu	28,784
Phương pháp EV/EBITDA (30%)	37,132	EV/Revenue trung bình ngành	0.6
Phương pháp P/B (20%)	28,784	Revenue (tỷ VND)	143,360
Phương pháp EV/Revenue (50%)	66,479	EV (tỷ VND)	86,016
Giá mục tiêu (VND)	50,136	Số cổ phiếu lưu hành (tr CP)	1,294
Giá hiện tại (VND)	47,200	Giá mục tiêu (VND)	66,479
Tăng/giảm	6.2%		

(Nguồn: PHFM)

Kịch bản giá dầu 40 USD/thùng

Dựa trên phương pháp EV/EBITDA, EV/Doanh thu và P/B, chúng tôi ước tính mức giá hợp lý của cổ phiếu PLX sẽ vào khoảng 52,600 VND/cổ phiếu, tăng 11.4% so với mức giá hiện tại, với doanh thu đạt 154,112 tỷ VND (-19% YoY), LNST đạt 2,152 tỷ VND (-54%). Từ đó đưa ra khuyến nghị MUA cho cổ phiếu này.

EV/EBITDA trung bình ngành	9.8	P/B trung bình ngành	1.3
EBITDA (tỷ VND)	4,422	Vốn chủ sở hữu	25,923
EV (tỷ VND)	43,337	Số cổ phiếu lưu hành (tr CP)	1,171
Số cổ phiếu lưu hành (tr CP)	1,171	Book value (VND)	22,141
Giá mục tiêu (VND)	37,015	Giá mục tiêu	28,784
Phương pháp EV/EBITDA (30%)	37,015	EV/Revenue trung bình ngành	0.6
Phương pháp P/B (20%)	28,784	Revenue (tỷ VND)	154,112

Phương pháp EV/Revenue	71,465
Giá mục tiêu (VND)	52,594
Giá hiện tại (VND)	47,200
Tăng/giảm	11.4%

EV (tỷ VND)	92,467
Số cổ phiếu lưu hành (tr CP)	1,294
Giá mục tiêu (VND)	71,465

(Nguồn: PHFM)

Kịch bản giá dầu 20 USD/thùng

Dựa trên phương pháp EV/EBITDA, EV/Doanh thu và P/B, chúng tôi ước tính mức giá hợp lý của cổ phiếu PLX sẽ vào khoảng 40,200 VND/cổ phiếu, giảm 14.7% so với mức giá hiện tại với doanh thu đạt 116,480 tỷ VND (-39% YoY), LNST đạt 722 tỷ VND (-85%). Từ đó đưa ra khuyến nghị **BÁN** cho cổ phiếu này.

EV/EBITDA trung bình ngành	9.8
EBITDA (tỷ VND)	2,992
EV (tỷ VND)	29,326
Số cổ phiếu lưu hành (tr CP)	1,171
Giá mục tiêu (VND)	25,048

P/B trung bình ngành	1.3
Vốn chủ sở hữu	25,923
Số cổ phiếu lưu hành (tr CP)	1,171
Book value (VND)	22,141
Giá mục tiêu	28,784

Phương pháp EV/EBITDA (30%)	25,048
Phương pháp P/B (20%)	28,784
Phương pháp EV/Revenue (50%)	54,014
Giá mục tiêu (VND)	40,278
Giá hiện tại (VND)	47,200
Tăng/giảm	-14.7%

EV/Revenue trung bình ngành	0.6
Revenue (tỷ VND)	116,480
EV (tỷ VND)	69,888
Số cổ phiếu lưu hành (tr CP)	1,294
Giá mục tiêu (VND)	54,014

(Nguồn: PHFM)

Sơ lược công ty

PLX với lĩnh vực kinh doanh chính là cung cấp xăng dầu, cung cấp ra thị trường khoảng 13.9 triệu tấn xăng dầu năm mỗi năm với hệ thống kho bể có sức chứa trên 1,700,000 m³ với hệ thống phân phối trên 2,100 cửa hàng xăng dầu thuộc Petrolimex và hơn 4,000 cửa hàng xăng dầu thuộc đại lý, tổng đại lý trên phạm vi toàn quốc.

PLX có các công ty con hoạt động trong các lĩnh vực như hóa dầu, GAS, bảo hiểm, vận tải thủy, xây lắp, dịch vụ xăng dầu và thương mại và các dịch vụ khác.

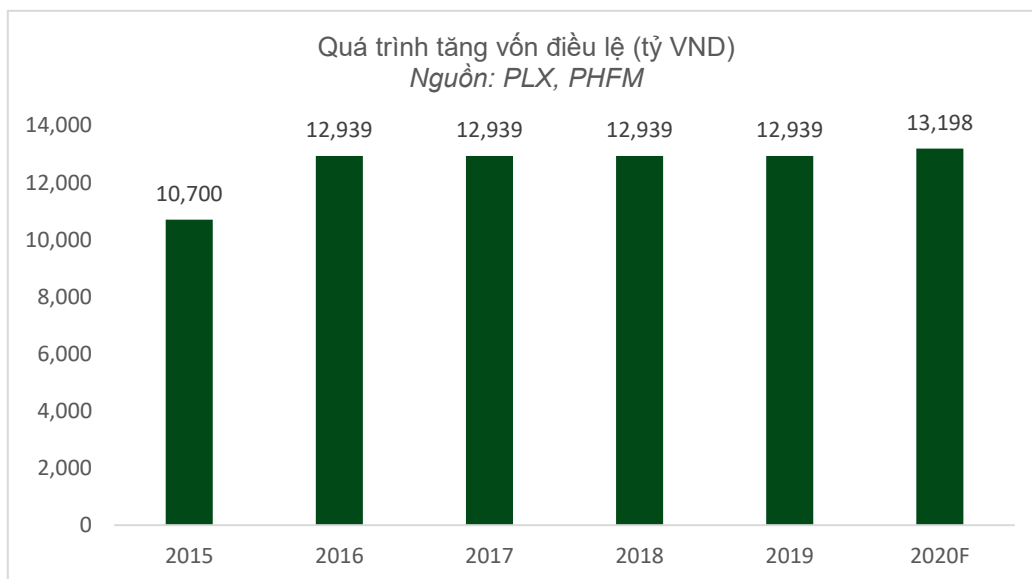


- Công ty cổ phần Hóa dầu Petrolimex (PLC) đã tự sản xuất và đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước, chiếm thị phần khoảng 20% với 2 nhà máy sản xuất dầu nhờn công suất pha chế 25.000 tấn/năm/nhà máy. Năm 2010, doanh thu đạt 1.764 tỷ đồng tăng 35% so với năm 2009; trong đó, doanh thu từ xuất khẩu chiếm 20%, lợi nhuận trước thuế đạt 279 tỷ đồng.
- Petrolimex Gas (PGC) là một trong những thương hiệu uy tín nhất trên thị trường Việt Nam với thị phần từ 10% đến 15%. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh gas trong năm 2010 đạt 2.463 tỷ đồng chiếm 1,8% tổng doanh thu hợp nhất toàn Petrolimex.
- Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (PJICO) hiện đã triển khai trên 50 sản phẩm bảo hiểm và đang chiếm lĩnh thị trường trong các lĩnh vực: giao thông vận tải, xây dựng và lắp đặt công trình, xăng dầu, hàng hóa xuất nhập khẩu và bảo hiểm xe cơ giới.
- Petrolimex Aviation cung cấp nhiên liệu bay cho các hãng hàng không lớn trên thế giới như: United Airlines, Japan Airlines và Korean Air và Air China.

PLX hiện có đội tàu viễn dương có tổng trọng tải 140.000 DWT, đội tàu sông, ven biển có tổng trọng tải gần 10 vạn tấn, tuyến ống xăng dầu 500km và hơn 1.200 xe xitec với tổng dung tích trên 9.000 m³ trực thuộc sự quản lý các công ty thành viên đảm bảo vận chuyển xăng dầu từ nước ngoài về Việt Nam và từ các kho đầu mối nhập khẩu đến các cảng và đại lý tiêu thụ trong cả nước.

Petrolimex có một đội ngũ chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm chuyên tư vấn, thiết kế và xây dựng các công trình xăng dầu và dầu khí như kho cảng xăng dầu, kho cảng LPG, kho nhựa đường lỏng, nhà máy pha chế dầu nhờn, tuyến ống dẫn dầu...

Quá trình tăng vốn điều lệ



Báo cáo tài chính (tỷ VNĐ)

Kết quả kinh doanh	2015A	2016A	2017A	2018A	2019A	2020F
Doanh thu thuần	146,920	123,097	153,697	191,932	189,604	154,112
Giá vốn hàng bán	(133,737)	(108,891)	(141,401)	(178,026)	(175,434)	(144,084)
Lợi nhuận gộp	13,184	14,205	12,297	13,906	14,169	10,028
Chi phí bán hàng	(6,850)	(7,701)	(7,321)	(8,544)	(8,702)	(6,860)
Chi phí QLDN	(977)	(1,017)	(818)	(573)	(640)	(520)
Lợi nhuận từ HĐKD	5,357	5,487	4,158	4,789	4,827	2,648
Lợi nhuận tài chính	796	880	791	995	1,004	816
Chi phí lãi vay	(586)	(552)	(571)	(865)	(791)	(831)
Lợi nhuận trước thuế	4,210	6,300	4,785	5,178	5,648	3,121
Lợi nhuận sau thuế	3,414	5,147	3,912	4,155	4,677	2,152
LNST của cổ đông Công ty mẹ	3,079	4,669	3,468	3,748	4,158	2,152
Cân đối kế toán	2015A	2016A	2017A	2018A	2019A	2020F
Tài Sản Ngắn Hạn	30,331	33,376	40,526	34,690	38,753	39,416
Tiền và tương đương tiền	11,289	11,354	14,223	10,221	11,275	10,748
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,979	2,654	2,505	4,714	5,397	5,505
Phải thu ngắn hạn	7,060	6,918	7,462	7,556	8,344	8,594
Hàng tồn kho	7,617	8,627	12,868	10,303	11,773	12,126
Tài sản ngắn hạn khác	2,386	3,824	3,468	1,896	1,964	2,443
Tài Sản Dài Hạn	17,440	18,372	18,248	18,350	19,013	19,447
Phải thu dài hạn	-89	-68	-22	-105	-86	-71
Tài sản cố định	15,229	15,646	15,271	15,139	15,406	15,714
Chi phí xây dựng dở dang	700	605	780	873	990	1,089
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	1,371	1,933	2,054	2,243	2,514	2,716
Tổng cộng tài sản	47,771	51,749	58,774	53,041	57,766	58,863
Nợ phải trả	31,165	28,515	34,868	30,756	33,836	34,760
Nợ ngắn hạn	28,247	25,662	32,461	29,406	32,391	33,363
Nợ dài hạn	2,918	2,852	2,406	1,350	1,445	1,398
Vốn chủ sở hữu	16,632	23,201	23,384	23,092	25,923	24,102
Vốn điều lệ	10,700	12,939	12,939	12,939	12,939	13,198
Tổng nguồn vốn	47,797	51,715	58,252	53,849	59,759	58,863

Lưu chuyển tiền tệ	2015A	2016A	2017A	2018A	2019A	2020F
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Kinh doanh	6,449	4,673	1,780	4,375	4,186	4,429
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Đầu tư	-1,131	-2,149	-2,282	-3,365	-2,467	-2,961
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Tài chính	-3,663	-2,430	3,428	-5,005	-657	-1,996
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	1,655	94	2,926	(3,994)	1,062	(527)
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	9,653	11,289	11,354	14,223	10,221	11,275
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	11,289	11,354	14,223	10,221	11,275	10,748
Chỉ số tài chính (%)	2015A	2016A	2017A	2018A	2019A	2020F
Tăng trưởng						
Doanh thu	-28.9%	-16.2%	24.9%	24.9%	-1.2%	-18.7%
Lợi nhuận sau thuế	-37660.3%	50.8%	-24.0%	6.2%	12.6%	-54.0%
Tổng tài sản	-9.6%	8.3%	13.6%	-9.8%	8.9%	-0.4%
Tổng vốn chủ sở hữu	18.0%	39.5%	0.8%	-1.2%	12.3%	-5.5%
Khả năng sinh lời						
Tỷ suất lãi gộp	9.0%	11.5%	8.0%	7.2%	7.5%	6.5%
Tỷ suất EBIT	3.6%	8.5%	8.6%	8.7%	9.5%	10.4%
Tỷ suất lãi ròng	2.3%	4.2%	2.5%	2.2%	2.5%	1.4%
ROA	7.1%	9.9%	6.7%	7.8%	8.1%	3.7%
ROE	20.5%	22.2%	16.7%	18.0%	18.0%	8.9%
Hiệu quả hoạt động						
Số ngày phải thu	18.31	21.47	18.22	14.94	16.65	15.79
Số ngày tồn kho	20.79	28.58	32.82	22.01	24.27	23.14
Số ngày phải trả	15.95	30.81	48.59	32.25	27.66	29.95
Khả năng thanh toán						
Tỷ suất thanh toán hiện thời	1.07	1.30	1.25	1.18	1.20	1.18
Tỷ suất thanh toán nhanh	0.80	0.96	0.85	0.83	0.83	0.82
Cấu trúc tài chính						
Tổng nợ/Tổng tài sản	0.65	0.55	0.59	0.58	0.59	0.59
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	1.87	1.23	1.49	1.33	1.31	1.44
Vay ngắn hạn/VCSH	1.70	1.11	1.39	1.27	1.25	1.38
Vay dài hạn/VCSH	0.18	0.12	0.10	0.06	0.06	0.06

(Nguồn: PHFM)

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Phạm Như Lan, Chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỉ lệ từ +10%~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng/Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của báo cáo. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Customer Service: (+84-28) 5 411 8855

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Call Center: (+84-28) 5 413 5488

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương, Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (+84-24) 6 250 9999

Fax: (+84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (+84-28) 3 813 2405

Fax: (+84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (+84-24) 3 933 4560

Fax: (+84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (+84-225) 384 1810

Fax: (+84-225) 384 1801